

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng
huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ

Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải tại Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 20/01/2022, Công văn số 274/UBND-KT ngày 28/02/2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 01/BCTĐQH-SXD ngày 10/01/2022 của Sở Xây dựng) và ý kiến thống nhất tại cuộc họp ngày 18/4/2022 tại Thông báo số 72/TB-VP ngày 20/4/2022 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới vùng lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu của công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải được thực hiện trên toàn bộ địa giới hành chính huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có diện tích đất tự nhiên là 31.373,39 ha, ranh giới xác định như sau:

- Phía Đông giáp thị xã Duyên Hải;
- Phía Tây giáp huyện Trà Cú và tỉnh Sóc Trăng.
- Phía Nam giáp Biển Đông;
- Phía Bắc giáp huyện Cầu Ngang và huyện Trà Cú.

2. Tính chất, chức năng, vai trò và mục tiêu phát triển vùng:

a) Tính chất, chức năng, vai trò:

- Là khu vực đô thị hóa tập trung chủ yếu tại đô thị Long Thành và đô thị Ngũ Lạc (định hướng thành lập mới thị trấn Ngũ Lạc). Trong đó:

+ Đô thị Long Thành là đô thị trung tâm phía Nam kênh đào Trà Vinh của huyện Duyên Hải và của Khu kinh tế Định An

+ Đô thị Ngũ Lạc là thị trấn huyện lỵ mới (thành lập mới trên cơ sở nâng cấp toàn xã Ngũ Lạc), khu trung tâm hành chính cấp huyện trong khu công trình công cộng và dịch vụ đô thị của Khu kinh tế Định An.

- Là vùng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị có các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp gắn với kinh tế biển thuộc Khu kinh tế Định An.

- Là cửa ngõ giao thương về cảng, với vị trí đầu mối giao thông hàng hải quan trọng của vùng tỉnh Trà Vinh và cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng huyện Duyên Hải với 2 đô thị là thị trấn Long Thành và thị trấn Ngũ Lạc có vai trò quan trọng về kinh tế, văn hóa xã hội và an ninh quốc phòng, là đầu mối giao thông quan trọng đối với tỉnh Trà Vinh và các tỉnh lân cận.

b) Mục tiêu phát triển:

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2030; phù hợp với định hướng của Khu kinh tế Định An.

- Định hướng không gian xây dựng vùng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Duyên Hải đến năm 2040 theo hướng bền vững và hiệu quả.

- Hoàn thiện tiêu chí huyện nông thôn mới; tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường.

- Vùng huyện Duyên Hải được định hướng đảm bảo cho nhu cầu phát triển trong tương lai không chỉ là trung tâm cấp huyện của tỉnh Trà Vinh mà còn là trung tâm kinh tế hướng công nghiệp và dịch vụ công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

a) Quy mô dân số và dự báo đất đai xây dựng:

* Dân số:

- Hiện trạng: 78.540 người (theo niên giám thống kê năm 2020).

- Dự báo đến năm 2030: khoảng 120.500 người;

- Dự báo đến năm 2040: khoảng 153.000 người.

- Tỷ lệ gia tăng dân số trung bình: khoảng 1,4%/năm.

* Dự báo nhu cầu đất xây dựng:

- Định hướng năm 2030: đất xây dựng khoảng 5.204,65ha (chiếm khoảng 17% đất tự nhiên), trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.144,32ha, đất xây dựng nông thôn khoảng 2.302,33ha; diện tích đất ở đô thị (đất đơn vị ở) khoảng 220 ha ($\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$), đất ở nông thôn khoảng 1.200ha ($\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$). Nhu cầu đất xây dựng cho các khu chức năng phát triển theo định hướng khu kinh tế Định An là 1.758,0ha (chiếm khoảng 33,7% đất xây dựng).

- Định hướng đến năm 2040: đất xây dựng khoảng 10.726,93ha (chiếm khoảng 35% đất tự nhiên), trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 2.002,0ha, đất xây dựng nông thôn khoảng 2.640,93ha; diện tích đất ở đô thị (đất đơn vị ở) khoảng 415ha ($\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$); đất ở nông thôn khoảng 1.750ha ($\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$). Nhu cầu đất xây dựng cho các khu chức năng phát triển theo định hướng khu kinh tế Định An là 6.084ha (chiếm khoảng 56,7% đất xây dựng).

b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng xã hội:

- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị : 70 - 100 $\text{m}^2/\text{người}$;

+ Đất đơn vị ở bình quân : 28 - 55 $\text{m}^2/\text{người}$;

• Đất ở : $\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$

• Đất công trình dịch vụ, công cộng : $\geq 4,0 \text{ m}^2/\text{người}$

• Đất cây xanh sử dụng công cộng : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất ngoài đơn vị ở gồm: đất giao thông, dịch vụ, công cộng đô thị...

• Đất công trình dịch vụ, công cộng : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$

• Đất cây xanh công cộng đô thị : $\geq 4 \text{ m}^2/\text{người}$;

• Đất giao thông : $\geq 18\%$

- Các chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

+ Đất ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất xây dựng công trình dịch vụ : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất cây xanh công cộng : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Tỷ lệ các loại đất trong khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (tính trên diện tích toàn khu):

+ Các khu kỹ thuật : $\geq 1 \%$;

+ Giao thông : $\geq 10 \%$;

+ Cây xanh : $\geq 10\%$.

c) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) trong đất xây dựng đô thị:

+ Tính đến đường liên khu vực: $\geq 6\%$.

+ Tính đến đường khu vực : $\geq 13\%$;

+ Tính đường phân khu vực : $\geq 18\%$.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Đô thị : 100 - 120 lít/người.ngày đêm;

+ Nông thôn : 80 - 100 lít/người.ngày đêm.

- Chỉ tiêu thoát nước : 80% cấp nước;

- Rác thải : 0,8 - 0,9 kg/người.ngày đêm.
- Chỉ tiêu cấp điện : 400 - 1.000 kWh/người.năm;
- Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng: 30 - 40% phụ tải điện sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất công nghiệp, kho tàng: từ 50 đến 350 kW/ha.

- Thông tin liên lạc: Điện thoại cố định đạt mật độ 3 thuê bao/100 dân. Số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) đạt mật độ 110 thuê bao/100 dân; Số thuê bao internet băng thông rộng (cố định và di động) đạt mật độ 32 thuê bao/100 dân.

- Đối với khu vực nông thôn đảm bảo tính toán theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật số QCVN 07:2016/BXD của Bộ Xây dựng và các quy định, quy chuẩn hiện hành.

4. Định hướng tổ chức không gian vùng:

a) Định hướng không gian vùng:

- Hệ thống điểm dân cư nông thôn phát triển theo định hướng quy hoạch chung xây dựng của từng xã, phát triển dọc theo các tuyến lộ chính và hệ thống kênh rạch gắn liền với điều kiện sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững.

- Mô hình phát triển xây dựng vùng huyện Duyên Hải lấy thị trấn Ngũ Lạc và thị trấn Long Thành làm trung tâm phát triển chính các khu vực dịch vụ thương mại làm động lực phát triển cho huyện. Tổ chức tuyến giao thông kết nối 2 đô thị.

- Không gian huyện Duyên Hải phát triển với 2 vùng của 2 bờ Bắc Nam kênh đào Trà Vinh:

+ Khu vực phía Bắc kênh đào Trà Vinh gồm thị trấn Ngũ Lạc, các xã Đôn Châu, Đôn Xuân; cực phát triển là khu công trình công cộng và dịch vụ đô thị với khu hành chính huyện làm trung tâm và trực phát triển là Tuyến số 2 và Tuyến số 5 kết nối Đường tỉnh 914 với các hình thái dân cư và dịch vụ đô thị với khu sản xuất công nghiệp giáp kênh đào Trà Vinh.

+ Khu vực phía Nam kênh đào Trà Vinh gồm thị trấn Long Thành và các xã Long Vĩnh, Đông Hải, Long Khánh; cực phát triển là thị trấn Long Thành, khu đô thị Long Vĩnh, Khu chức năng hỗn hợp xã Đông Hải.

b) Hệ thống hạ tầng cơ sở cấp vùng:

* Định hướng thêm các trục phát triển không gian chính kết hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung chính:

- Phía Bắc có Đường tỉnh 914 với chức năng là tuyến đường vành đai phía Bắc của khu kinh tế kết nối khu công nghiệp, dịch vụ công nghiệp với các huyện lân cận.

- Phía Nam có Quốc lộ 53 là trục kinh tế - kỹ thuật - đô thị quan trọng chủ đạo và cũng là trục hành lang đô thị hoá, đi qua kênh đào Trà Vinh kết nối với các đô thị khác trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tuyến đường dọc 2 bên kênh đào Trà Vinh có vai trò là đường trục ngang nối liền hai phía Đông Tây, liên kết các đô thị và các trung tâm chức năng trong khu kinh tế Định An.

- Trục không gian ven biển phía Nam: kết nối khu vực bảo tồn (rừng phòng hộ) và khu du lịch biển Ba Động thông qua Quốc lộ 53B qua kênh đào Trà Vinh hướng về xã Trường Long Hòa (thị xã Duyên Hải).

- Kênh đào Trà Vinh đi tắt từ biển Đông vào sông Hậu tạo điều kiện thuận lợi cho tàu biển trọng tải lớn có thể ra vào các tỉnh dọc Sông Hậu.

- Hệ thống giao thông thủy như sông Hậu, sông Muong Thỏ, sông Phước Thiện, sông La Bang, sông Bào Sáu, sông Kênh Xáng, kênh đào Trà Vinh,...

* Hệ thống công trình hành chính - trụ sở cơ quan: Khu trung tâm hành chính huyện quy mô 35,5ha nằm phía Bắc Kênh đào Trà Vinh thuộc khu dịch vụ công cộng và khu đô thị thuộc Khu kinh tế Định An. Đây là khu hành chính tập trung cấp huyện và các công trình dịch vụ phát triển xã Ngũ Lạc đạt tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn huyện lỵ.

* Hệ thống công trình thương mại, dịch vụ - bến xe:

- Khu Chợ Ngũ Lạc hiện hữu mở rộng nâng cấp thành chợ huyện phục vụ toàn huyện.

- Cải tạo chợ hiện hữu tại thị trấn Long Thành đáp ứng cho nhu cầu hiện tại. Xây dựng chợ mới cặp Quốc lộ 53B tại thị trấn Long Thành phục vụ cho khu vực phía Nam kênh đào.

- Bố trí công trình thương mại, siêu thị tại khu công cộng và dịch vụ đô thị.

- Bố trí 03 bến xe tại thị trấn Ngũ Lạc, khu đô thị Long Vĩnh và thị trấn Long Thành.

* Hệ thống công trình giáo dục:

- Đối với trường trung học phổ thông, dạy nghề: Nâng cấp 02 trường THPT hiện hữu thuộc xã Đôn Châu và thị trấn Long Thành. Để đảm bảo nhu cầu cho tương lai 153.000 người cần xây dựng thêm 04 trường THPT gồm: 01 trường ở xã Ngũ Lạc, 01 trường tại Khu đô thị Long Vĩnh, 01 trường tại Khu chức năng hỗn hợp xã Đông Hải và 01 trường ngay trung tâm huyện Duyên Hải (nằm trong khu công trình công cộng và dịch vụ đô thị) và 02 trường dạy nghề tại thị trấn Ngũ Lạc và thị trấn Long Thành đáp ứng nhu cầu đào tạo lực lượng lao động cho các khu sản xuất công nghiệp.

- Đối với trường trung học cơ sở: 07 trường trung học cơ sở hiện hữu đáp ứng nhu cầu hiện tại phân bố đều mỗi xã và thị trấn. Trong tương lai nâng cấp

và mở rộng, bố trí xây dựng thêm 04 trường THCS thuộc khu đô thị Long Vĩnh, Khu chức năng hỗn hợp xã Đông Hải, thị trấn Ngũ Lạc và thị trấn Long Thành.

- Vùng sẽ có 1 khu chuyên năng cấp vùng là Khu trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học diện tích 156ha tại đô thị Long Thành theo định hướng của Khu kinh tế Định An.

* Hệ thống công trình y tế:

- Tại thị trấn Long Thành nâng cấp mở rộng trung tâm y tế hiện hữu quy mô đạt chuẩn quốc gia về y tế đáp ứng nhu cầu của 1 thị trấn. Xây dựng mới bệnh viện đa khoa với quy mô là bệnh viện huyện đạt chuẩn hạng 3, trong tương lai bệnh viện này đáp ứng phục vụ cho thị trấn và các xã nằm phía Nam kênh đào Trà Vinh. Ngoài ra, bố trí thêm 02 phòng khám đa khoa tại khu đô thị Long Vĩnh và khu chức năng hỗn hợp tại xã Đông Hải.

- Tại xã Ngũ Lạc nâng cấp mở rộng trạm y tế thành Trung tâm Y tế quy mô đạt chuẩn quốc gia về y tế đáp ứng nhu cầu hiện tại của xã nông thôn mới và tiến lên đạt chuẩn là đô thị loại V có tính chất là thị trấn huyện lỵ.

Bố trí xây dựng mới bệnh viện đa khoa thuộc khu công cộng và dịch vụ đô thị, đáp ứng phục vụ cấp huyện cho toàn huyện Duyên Hải.

* Hệ thống trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, công viên cây xanh:

- Bố trí trung tâm văn hóa cấp huyện tại khu công cộng và dịch vụ đô thị, trung tâm văn hóa cấp khu vực tại trung tâm các khu đô thị theo quy định, cụ thể tại khu đô thị Long Vĩnh, Khu chức năng hỗn hợp tại xã Đông Hải và thị trấn Long Thành.

- Xây dựng mới trung tâm thể dục thể thao - công viên cây xanh cấp huyện tại xã Ngũ Lạc đáp ứng cho nhu cầu toàn huyện trong tương lai, đồng thời củng cố hệ thống hạ tầng để xã Ngũ Lạc tiến tới là đô thị với quy mô đạt chuẩn loại V và là thị trấn huyện lỵ.

- Xây dựng mới trung tâm thể dục thể thao - công viên cây xanh cấp đô thị tại thị trấn Long Thành theo định hướng quy hoạch chung thị trấn và tại trung tâm khu đô thị Long Vĩnh và Khu chức năng hỗn hợp tại xã Đông Hải.

c) Hệ thống đô thị và nông thôn:

- Đến năm 2030 huyện Duyên Hải gồm đô thị Long Thành, xã Ngũ Lạc phát triển lên đô thị loại thị V là thị trấn thuộc huyện. Ngoài ra định hướng phát triển Khu đô thị Long Vĩnh thuộc xã Long Vĩnh (theo định hướng Khu kinh tế Định An) và Khu chức năng hỗn hợp thuộc xã Đông Hải. Đáp ứng quy mô dân số đô thị 51.500 người và hệ thống xã nông thôn đáp ứng cho quy mô dân số 69.000 người.

- Đến năm 2040 huyện Duyên Hải gồm 02 đô thị: đô thị Long Thành, đô thị Ngũ Lạc; 01 khu đô thị mới - khu đô thị Long Vĩnh; 01 khu chức năng hỗn hợp thuộc xã Đông Hải và 05 xã nông thôn. Đáp ứng quy mô dân số đô thị 78.000 người và dân số nông thôn 75.000 người.

* Hệ thống đô thị:

- Thị trấn Long Thành với quy mô hiện hữu 508,03ha. Đến năm 2030 đáp ứng khoảng 25.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 375ha. Đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 28.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 450ha. Là trung tâm kinh tế, văn hóa lịch sử, giáo dục, y tế, dịch vụ, du lịch cho khu vực phía Nam kênh đào Trà Vinh.

- Xã Ngũ Lạc quy mô 3.802,29ha (sáp nhập ấp Phước Hội thuộc xã Long Khánh vào xã Ngũ Lạc). Đến năm 2030 đáp ứng dân số khoảng 21.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 629,32ha, đạt tiêu chí đô thị loại V (2021-2025) và thị trấn thuộc huyện (2026-2030). Đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 30.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 750ha (bao gồm Khu dịch vụ công cộng và Khu đô thị thuộc Khu kinh tế Định An có quy mô khoảng 150ha đáp ứng cho dân số khoảng 10.000 người). Đây là trung tâm hành chính huyện đồng thời là cửa ngõ kết nối huyện với các địa phương khác về kinh tế, thương mại - dịch vụ và công nghiệp.

- Khu đô thị Long Vĩnh thuộc xã Long Vĩnh (theo định hướng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An) có quy mô 1.109ha. Đến năm 2030 đáp ứng cho khoảng 5.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 140 ha. Đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 15.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 542ha với tính chất là khu đô thị chuyên ngành.

* Hệ thống điểm dân cư nông thôn:

- Xã Đôn Châu có diện tích tự nhiên khoảng 3.216,08ha. Dân số nông thôn đến năm 2030 khoảng 13.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 349,22ha. Dân số nông thôn đến năm 2040 khoảng 15.500ha, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 425,62ha.

- Xã Đôn Xuân có diện tích tự nhiên khoảng 2.676,39ha. Dân số nông thôn đến năm 2030 khoảng 15.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 423,25ha. Dân số nông thôn đến năm 2040 khoảng 17.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 499,75ha.

- Xã Long Vĩnh có diện tích tự nhiên khoảng 9.637,20ha. Dân số nông thôn đến năm 2030 khoảng 13.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 428,44ha (dân số đô thị khoảng 5.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 140ha). Dân số nông thôn đến năm 2040 khoảng 8.000 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 428,44ha, (dân số đô thị khoảng 15.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 542ha).

- Xã Long Khánh có diện tích tự nhiên khoảng 4.642,65 ha (sau khi sáp nhập ấp Phước Hội vào xã Ngũ Lạc). Dân số nông thôn đến năm 2030 khoảng 9.000 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 607,35ha. Dân số nông thôn đến năm 2040 khoảng 11.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 690,35ha, (dân số khu vực đô thị hóa khoảng 5.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 260ha).

- Xã Đông Hải có diện tích tự nhiên khoảng 6.890,75ha. Dân số nông thôn đến năm 2030 khoảng 17.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng

493,97ha. Dân số nông thôn đến năm 2040 khoảng 22.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 596,77ha.

Ngoài ra, huyện còn phát triển 01 Khu chức năng hỗn hợp thuộc xã Đông Hải có quy mô đất khoảng 378ha; đến năm 2030 đáp ứng cho khoảng 4.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 120ha; đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 5.000, diện tích đất xây dựng khoảng 328ha, với tính chất là khu vực phát triển hỗn hợp.

5. Định hướng tổ chức không gian phát triển các khu chức năng:

a) Định hướng không gian phát triển các khu công nghiệp, kho tàng và khu dịch vụ công nghiệp:

- Khu vực Bắc kênh đào Trà Vinh:

Bố trí 3 khu công nghiệp kèm theo các khu dịch vụ, phụ trợ khác, gồm:

+ Khu công nghiệp Định An: diện tích 591 ha, thuộc xã Đôn Xuân.

+ Khu công nghiệp Đôn Xuân - Đôn Châu: diện tích 934 ha, thuộc xã Đôn Xuân và xã Đôn Châu.

+ Khu công nghiệp Ngũ Lạc: diện tích 936 ha, thuộc xã Ngũ Lạc.

+ Khu dịch vụ công nghiệp: diện tích 305 ha, thuộc xã Ngũ Lạc.

+ Khu kho ngoại quan (logistic): diện tích 101 ha, thuộc xã Đôn Châu.

- Khu vực Nam kênh đào Trà Vinh:

+ Bố trí khu dự trữ cho phát triển các khu công nghiệp, phục vụ sau năm 2030, gồm: khu dự trữ phát triển công nghiệp Long Vĩnh có diện tích 1.173 ha, thuộc xã Long Vĩnh; khu dự trữ phát triển công nghiệp Long Khánh có diện tích 993 ha, thuộc xã Long Khánh.

+ Phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo quy mô 100 ha thuộc xã Long Khánh, khai thác hiệu quả lợi thế và tài nguyên của địa phương.

b) Định hướng phát triển khu dịch vụ và du lịch:

- Khu vực Bắc kênh đào Trà Vinh: bố trí một số các khu dịch vụ và du lịch có tính chất tổng hợp hoặc chuyên đề riêng biệt gồm khu dịch vụ, giải trí hồ nước ngọt Đôn Châu 145ha và khu dịch vụ, giải trí hồ nước ngọt Ngũ Lạc 154ha.

- Khu vực Nam kênh đào Trà Vinh: bố trí một số các khu dịch vụ và du lịch lớn kết hợp phát triển nông, lâm ngư nghiệp gồm:

+ Rừng sinh thái xã Long Khánh được khai thác phát triển du lịch với quy mô 959ha.

+ Khu dịch vụ, giải trí sinh thái: khai thác thế mạnh sinh thái kết hợp nuôi trồng thủy sản và các dịch vụ nông thôn, được bố trí có diện tích 424 ha, thuộc xã Đông Hải.

6. Định hướng vùng sản xuất:

Tuân thủ theo định hướng phát triển chung của tỉnh và theo quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An, cụ thể:

- Vùng phía Bắc đường tỉnh 914: khu vực nằm ngoài Khu kinh tế Định An phát triển theo quy hoạch chung xã; trong đó phần thuộc phạm vi 03 xã (Đôn Châu, Đôn Xuân, Ngũ Lạc) có quy mô diện tích khoảng 5.202,95ha. Vùng này chủ yếu sản xuất rau màu thực phẩm, cây lúa, cây công nghiệp ngắn ngày.

- Vùng phía Nam đường tỉnh 914: khu vực phát triển về ngành thủy sản thuộc khu kinh tế Định An với quy mô diện tích khoảng 26.170,44ha. Trong đó, phần thuộc phạm vi 03 xã (Đôn Châu, Đôn Xuân, Ngũ Lạc) phía Bắc kênh Đào phát triển thủy sản nhưng còn ít. Phía Nam kênh Đào gồm 4 đơn vị hành chính là thị trấn Long Thành, các xã Long Vĩnh, Đông Hải và Long Khánh có quy mô diện tích khoảng 21.678,63ha. Là vùng phát triển mạnh về ngành thủy sản, chủ yếu nuôi tôm thâm canh và quảng canh tiên tiến, nuôi cua biển kết hợp với tôm sú, nuôi nghêu, cá và các loài nhuyễn thể khác.

7. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

* Hệ thống đường bộ:

- Quốc lộ:

+ Quốc lộ 53 là trục đối ngoại chính của huyện. Lộ giới đường đi qua khu vực thị trấn Long Thành là 67m, tuyến tại khu vực ngoài đô thị lộ giới 40m.

+ Tuyến đường hành lang ven biển: được thiết kế đạt tiêu chuẩn đường đồng bằng cấp II với lòng đường rộng 16,5m (bao gồm dải phân cách 1,5m), nền đường rộng 22,5m, hành lang bảo vệ mỗi bên 17m, lộ giới 56,5m.

+ Quốc lộ 53B (được hình thành theo Quyết định số 326/QĐ-BGTVT ngày 09/02/2018 của Bộ Giao thông vận tải) chia làm 2 đoạn: đoạn từ Quốc lộ 53 đến hành lang ven biển có lộ giới tuân thủ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, mặt cắt thiết kế có lộ giới là 25; đoạn thuộc tuyến hành lang ven biển được quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường đồng bằng cấp II với lòng đường rộng 16,5m (bao gồm dải phân cách 1,5m), nền đường rộng 22,5m, hành lang bảo vệ mỗi bên 17m, lộ giới 56,5m.

- Đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 914 là tuyến đường giao thông đối ngoại chính của khu vực phía Bắc Kênh đào Trà Vinh. Tuyến đường được quy hoạch theo định hướng Khu kinh tế Định An, lộ giới 40m.

+ Đường huyện 25 được định hướng phát triển thành Đường tỉnh 911. Tuyến đường được quy hoạch theo định hướng quy hoạch giao thông vận tải tỉnh với lộ giới 29m đạt tiêu chuẩn đường đồng bằng cấp IV.

- Đường huyện: Đường huyện 21 giúp kết nối thị trấn Ngũ Lạc với các huyện lân cận phía Bắc, góp phần thúc đẩy sự phát triển khu vực đạt chuẩn thị trấn huyện lỵ theo định hướng quy hoạch giao thông vận tải tỉnh với lộ giới 29m đạt tiêu chuẩn đường đồng bằng cấp IV.

- Giao thông động lực phát triển kinh tế:

+ Tuyến đường dọc hai bên kênh đào Trà Vinh là đường trục kết nối hai phía Đông - Tây huyện Duyên Hải, liên kết các đô thị và các trung tâm chức năng. Tuyến này đạt tiêu chuẩn đường cấp I, cấp II đồng bằng. Lộ giới từ 32-40m.

+ Xây dựng mới tuyến đường động lực tuân thủ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An và dự án giao thông các xã đảo, lộ giới 20-28m.

- Đường đô thị:

Đường khu vực đô thị: Thiết kế với mặt cắt từ 20 - 25m, có nhiệm vụ kết nối các khu chức năng với các đường trục chính trong đô thị.

Bảng thống kê hệ thống giao thông vùng huyện Duyên Hải

STT	TÊN ĐƯỜNG	MẶT CẮT	LÝ TRÌNH		LỘ GIỚI m
			ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
I	QUỐC LỘ				
1	QUỐC LỘ 53 (ĐOẠN QUA ĐÔ THỊ LONG VINH)	1-1	Kênh đào Trà Vinh	Tuyến N2	40,0
2	QUỐC LỘ 53 (ĐOẠN NGOÀI ĐÔ THỊ)	1-1	Tuyến N2	Tuyến N7	40,0
3	QUỐC LỘ 53 (ĐOẠN QUA THỊ TRẤN LONG THÀNH)	2-2	Tuyến N7	Kênh đào Trà Vinh	67,0
4	QUỐC LỘ 53B (ĐOẠN QUA THỊ TRẤN LONG THÀNH)	5-5	Quốc lộ 53	Tuyến N7 nối dài	25,0
5	QUỐC LỘ 53B (ĐOẠN TỪ THỊ TRẤN LONG THÀNH ĐẾN HÀNH LANG VEN BIỂN)	7-7	Tuyến N7 nối dài	Đường hành lang ven biển	25,0
6	QUỐC LỘ 53B (THUỘC TUYẾN HÀNH LANG VEN BIỂN)	4-4	Đường hành lang ven biển	Kênh đào Trà Vinh	56,5
7	ĐƯỜNG HÀNH LANG VEN BIỂN	4-4	Quốc lộ 53B	Quốc lộ 53 (Đô thị Long Vĩnh)	56,5
II	ĐƯỜNG TỈNH				
1	ĐƯỜNG TỈNH 911	9-9	Ranh huyện phía Bắc	Đường tỉnh 914	29,0
2	ĐƯỜNG TỈNH 914	1-1	Ranh huyện phía Tây (xã Đôn Xuân)	Ranh huyện phía Đông (xã Ngũ Lạc)	40,0
III	ĐƯỜNG HUYỆN				
1	ĐƯỜNG HUYỆN 21	9-9	Ranh huyện phía Bắc	Đường tỉnh 914	29
IV	TRỤC ĐỘNG LỰC				
1	ĐƯỜNG ĐÔN CHÂU - ĐÔN XUÂN	6A-6A	Ranh huyện phía Tây (xã Đôn Xuân)	Kênh 3/2	28,0
2	ĐƯỜNG NỐI ĐT.914 - KÊNH ĐÀO TRÀ VINH	6A-6A	Đường tỉnh 914	Đường phía Bắc Kênh Đào Trà Vinh	28,0
3	TUYẾN SỐ 5	6A-6A	Đường tỉnh 914	Đường phía Bắc Kênh	28,0

STT	TÊN ĐƯỜNG	MẶT CÁT	LÝ TRÌNH		LỘ GIỚI m
			ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
				Đào Trà Vinh	
4	TUYẾN SỐ 2	6A-6A	Ranh huyện phía Bắc	Tuyến số 5	28,0
5	ĐƯỜNG PHÍA BẮC KÊNH ĐÀO TRÀ VINH	1-1	Ranh huyện phía Tây (xã Đôn Xuân)	Ranh huyện phía Đông (xã Ngũ Lạc)	40,0
6	ĐƯỜNG PHÍA NAM KÊNH ĐÀO TRÀ VINH	3-3	Tuyến N1	Tuyến D6	32,0
7	TUYẾN N1	6A-6A	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Quốc lộ 53	28,0
8	TUYẾN N1A	6-6	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Quốc lộ 53	28,0
9	TUYẾN N2 (ĐOẠN QUA ĐÔ THỊ LONG VINH)	5-5	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Quốc lộ 53	25,0
10	TUYẾN N2 (ĐOẠN NGOÀI ĐÔ THỊ)	7-7	Quốc lộ 53	Đường hành lang ven biển	25,0
11	TUYẾN N3	7-7	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Đường hành lang ven biển	25,0
12	ĐƯỜNG VEN SÔNG LA CHI	8-8	Quốc lộ 53	Đường hành lang ven biển	20,0
13	ĐƯỜNG VEN SÔNG RẠCH CỎ	7-7	Đường ven Sông La Chi	Đường hành lang ven biển	25,0
14	TUYẾN D4	8-8	Đường hành lang ven biển	Tuyến N3	20,0
15	TUYẾN D3	8-8	Tuyến N3	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	20,0
16	ĐƯỜNG LONG KHÁNH - ĐÔNG HẢI	7-7	Tuyến N5	Đường hành lang ven biển	25,0
17	ĐƯỜNG B4	8-8	Tuyến N3	Đường Long Khánh - Đông Hải	20,0
18	TUYẾN D2 (XÃ LONG KHÁNH)	8-8	Tuyến N6	Tuyến N7	20,0
19	TUYẾN D2 (THỊ TRẤN LONG THÀNH)	5-5	Tuyến N7	Đường Long Thành - Đông Hải	25,0
20	ĐƯỜNG D13A	5-5	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Quốc lộ 53	25,0
21	TUYẾN N7	7-7	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Quốc lộ 53	25,0
22	TUYẾN N7 NÓI DÀI	7-7	Quốc lộ 53	Quốc lộ 53B	25,0
23	TUYẾN N5	6A-6A	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Đường Long Khánh - Đông Hải	28,0
24	TUYẾN N6	6A-6A	Tuyến N5	Đường hành lang ven biển	28,0
25	ĐƯỜNG LONG THÀNH - ĐÔNG HẢI (ĐOẠN QUA ĐÔ THỊ)	5-5	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	Tuyến D3	25,0
26	ĐƯỜNG LONG THÀNH - ĐÔNG HẢI (ĐOẠN NGOÀI ĐÔ THỊ)	7-7	Tuyến D3	Tuyến D6	25,0
27	TUYẾN N8	8-8	Quốc lộ 53B	Tuyến D6	20,0
28	TUYẾN D6	6-6	Đường hành lang ven biển	Đường phía Nam Kênh Đào Trà Vinh	28,0

- Giao thông nông thôn:

+ Đường giao thông chính các khu vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và dân cư nông thôn: Nâng cấp, cải tạo các đường liên xã hiện có; kết hợp mở các tuyến mới tạo thành mạng lưới các tuyến chính cho vùng, liên hệ thuận lợi với các tuyến khác trong huyện. Đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

+ Đường giao thông liên xã, liên ấp: Cải tạo theo hướng nâng cao năng lực giao thông, tạo điều kiện cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Đạt tiêu chuẩn đường cấp V và cấp VI đồng bằng.

* Hệ thống đường thủy:

- Tuyến đường thủy nội địa do Trung ương quản lý: Sông Hậu đạt cấp đặc biệt - ĐTNĐ.

- Luồng hàng hải do Trung ương quản lý: Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu đạt cấp đặc biệt

- Tuyến đường thủy do tỉnh quản lý: Kênh 3/2 đạt cấp III - ĐTNĐ.

- Các tuyến giao thông thủy do huyện quản lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV - ĐTNĐ.

* Công trình đầu mối giao thông:

- Cảng, bến thủy nội địa: Bố trí 03 cảng, bến thủy nội địa tại các đầu mối giao thông thủy - bộ liên kết mạng lưới giao thông đường thủy và mạng lưới giao thông đường bộ, công suất mỗi bến từ 5.000 - 10.000 tấn/năm.

- Xây dựng 03 bến xe hỗn hợp, có khu vực đậu xe khách đạt tiêu chuẩn tối thiểu loại IV theo QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách trong địa bàn huyện tại thị trấn Long Thành; thị trấn Ngũ Lạc; khu đô thị Long Vĩnh.

b) Cao độ nền và thoát nước mặt:

- Cao độ nền:

+ Thị trấn Long Thành và khu vực đô thị hóa thuộc xã Long Khánh: cao độ san nền là 2,2 m; hướng dốc từ trung tâm đô thị về phía các kênh rạch; độ dốc san nền 0,4%.

+ Khu đô thị Long Vĩnh: cao độ san nền là 2,2 m; hướng dốc về phía các kênh rạch; độ dốc san nền từ 0,3% - 0,4%.

+ Khu chức năng hỗn hợp xã Đông Hải: cao độ san nền là 2,2 m; hướng dốc từ trung tâm về phía các kênh rạch; độ dốc san nền 0,3%.

+ Thị trấn Ngũ Lạc: cao độ san nền là 2,3 m; hướng dốc về phía các kênh rạch; độ dốc san nền 0,3%.

+ Các khu công nghiệp phía Bắc và phía Nam kênh Đào Trà Vinh: cao độ san nền là 2,3 m; hướng dốc về phía kênh La Bang, sông Bến Giá,...; độ dốc san nền 0,5%.

+ Các khu dân cư nông thôn: các khu dân cư tại các xã Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải có cao độ san lấp là 2,2 m; các khu dân cư tại các xã Đôn Châu, Đôn Xuân có cao độ san lấp là 2,3 m.

- Thoát nước mưa:

+ Hướng thoát theo hướng dốc cục bộ đổ ra sông, kênh rạch gần nhất trước khi dẫn ra sông Hậu.

+ Khu vực các thị trấn, khu đô thị và các khu công nghiệp bố trí hệ thống thoát nước riêng.

+ Các trung tâm xã bố trí hệ thống thoát nước chung, nước thải sẽ được tách ra tại các giếng tách dòng ở cuối đường cống, đưa về trạm xử lý, nước mưa sẽ thải xuống kênh rạch, sông ngòi gần nhất.

+ Khu vực các ấp: sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung.

- Hệ thống thủy lợi: thường xuyên nạo vét để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và kết hợp giao thông thủy phục vụ vận chuyển hàng hóa.

c) Cấp nước:

- Định hướng quy hoạch nguồn cấp nước:

+ Khu vực đô thị: tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện hữu, đồng thời xây dựng 02 trạm cấp nước (theo quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An) khai thác nước mặt kết hợp nước ngầm giai đoạn 1 để đảm bảo đáp ứng nhu cầu. Các trạm cấp nước đô thị được nâng công suất trong giai đoạn đến năm 2040.

+ Khu vực nông thôn: tiếp tục sử dụng nguồn nước từ các giếng khoan và trạm cấp nước ngầm hiện hữu.

+ Các khu công nghiệp: xây mới trạm cấp nước riêng cho từng khu công nghiệp để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng nguồn nước độc lập với các khu dân cư.

- Định hướng mạng lưới cấp nước: tại khu vực đô thị xây dựng các đường ống chính nối với các đường ống hiện hữu tạo mạng vòng dọc theo các tuyến giao thông chính. Khu vực nông thôn tiếp tục sử dụng các tuyến ống cấp nước hiện hữu, nâng cấp hoặc xây mới thêm đối với các tuyến ống đã xuống cấp.

d) Hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

- Định hướng quy hoạch mạng lưới thoát nước:

+ Xây mới các trạm xử lý nước thải cho mỗi đô thị (Ngũ Lạc, Long Thành), khu đô thị Long Vĩnh,... sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa.

+ Nước thải công nghiệp: sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa.

+ Khu vực nông thôn: sử dụng hệ thống thoát nước chung cho tất cả các trung tâm xã và điểm dân cư. Xây dựng các tuyến cống thoát nước trên các trục đường chính dẫn nước ra kênh rạch gần nhất. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ.

- Định hướng thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Khu vực nội thị: xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn cho các đô thị; chất thải rắn được phân loại tại trạm trung chuyển trước khi vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung.

+ Khu vực nông thôn: khuyến khích người dân tại khu vực nông thôn thu gom chất thải rắn, đưa về các điểm tập kết trước khi vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung.

- Nghĩa trang: Cải tạo các nghĩa trang theo mô hình công viên nghĩa trang. Đến năm 2030 tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện hữu. Sau năm 2030, xây dựng nghĩa trang tập trung cho toàn huyện Duyên Hải và Khu kinh tế Định An tại khu vực phía Tây Nam xã Long Vĩnh (gần tuyến đường bộ ven biển dự kiến).

đ) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn cấp điện:

+ Hiện tại, huyện Duyên Hải cấp nguồn từ trạm biến áp 110/22kV Duyên Trà, được nhận nguồn từ TBA 110/22kV Trà Vinh 2 qua đường dây 110kV Trà Vinh 2-Cầu Ngang-Duyên Trà và đường dây 110kV Cầu Kè-Trà Cú-Duyên Trà, lâu dài được bổ sung từ TBA 110/22kV Dân Thành.

+ Các tuyến trung thế chính dọc đường Quốc lộ 53, Quốc lộ 53B, đường tỉnh 914 và các trục đường chính hiện hữu trong khu quy hoạch.

+ Xây dựng mới TBA 220/110kV Duyên Hải (giai đoạn đầu lắp 1x125MVA, đến 2035 nâng cấp lên 2x250MVA).

+ Xây dựng mới TBA 110/22kV 2x63MVA Khu công nghiệp 1, khu công nghiệp 2. Đến năm 2035, xây dựng mới TBA 110/22kV 2x40MVA Long Vĩnh, 2x63MVA Định An; nâng công suất trạm biến áp 110/22kV Duyên Trà lên 2x63MVA, TBA 110/22kV Dân Thành lên 40MVA+63MVA.

+ Xây dựng mới các nhà máy điện gió cấp nguồn bổ sung cho phụ tải khu vực: Đông Thành 1 (V1-7): 80MW; Đông Thành 2 (V3-4): 120MW; Đông Hải 1 (V3-1): 100MW; Thăng Long (V3.1): 96MW.

- Mạng lưới cấp điện:

+ Hiện trong khu quy hoạch có các tuyến đường dây truyền tải 500kV, 220kV đi ngang từ trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải đi các vùng lân cận và các tuyến phân phối 110kV cấp điện cho TBA 110/22kV Duyên Trà.

+ Xây dựng mới các tuyến đường dây truyền tải 220kV cấp nguồn cho TBA 220/110kV Duyên Hải.

+ Xây dựng mới các tuyến phân phối 110kV từ TBA 220/110kV Duyên Hải cấp nguồn cho các trạm biến áp 110/22kV xây dựng mới.

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến trung thế 22kV hiện hữu theo lộ giới đường quy hoạch, lâu dài được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan đô thị. Xây dựng mới các tuyến trung thế 22kV đi dọc các tuyến đường cung cấp nguồn điện cho nhu cầu phụ tải toàn huyện.

e) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: hệ thống thông tin liên lạc chính của huyện được cấp từ buro điện cấp II xây dựng mới tại trung tâm hành chính huyện và các buro điện xã thông qua tuyến TTLL chính dọc đường Quốc lộ 53, đường tỉnh 914, Quốc lộ 53B và các tuyến đường hiện hữu trong khu quy hoạch. Trung tâm viễn thông huyện là trung tâm đầu mối cung cấp các dịch vụ viễn thông.

- Mạng lưới viễn thông: xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, mạng lưới viễn thông đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực. Hạ tầng chuyển mạch, truyền dẫn, ngoại vi, di động, buro chính được quan tâm, đầu tư phát triển, đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong huyện.

8. Đánh giá môi trường chiến lược: thực hiện theo quy định.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 53.

- Xây dựng đường ven biển kết hợp với đê biển, trong phạm vi huyện Duyên Hải.

- Khu công nghiệp Đôn Xuân, Đôn Châu, Ngũ Lạc, Định An, kho ngoại quan Logistic.

- Khu hành chính và hạ tầng xã hội tập trung.

- Khu giải trí hồ nước ngọt Đôn Châu.

- Các dự án xây dựng phát triển thị trấn Ngũ Lạc, thị trấn Long Thành, khu đô thị Long Vĩnh.

- Các dự án giao thông đường bộ đối ngoại trong huyện.

- Các dự án xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Các dự án hạ tầng xã hội thiết yếu: trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, công trình y tế, văn hoá, giáo dục.

(Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 theo hồ sơ kèm theo Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện; cung cấp hồ sơ về Sở Xây dựng lưu trữ đăng tải lên trang thông tin điện tử theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

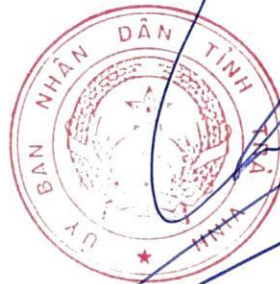
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng